

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÁI TẠO LỘC THIÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TÁI TẠO LỘC THIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LOC THIEN RENEWABLE ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LOC THIEN RENEWABLE ELECTRICITY.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801208090

**3. Ngày thành lập:** 09/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Áp 6A, Xã Lộc Tấn, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0903228196

Fax:

Email: locthien.power@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất điện                                                                                        | 3511(Chính) |
| 2.  | Truyền tải và phân phối điện                                                                         | 3512        |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                  | 4662        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                    | 4669        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659        |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 8.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                         | 4799        |
| 9.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                             | 2410        |
| 10. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                | 2420        |
| 11. | Đúc sắt, thép                                                                                        | 2431        |
| 12. | Đúc kim loại màu                                                                                     | 2432        |
| 13. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan                                                           | 3211        |
| 14. | Khai thác quặng sắt                                                                                  | 0710        |
| 15. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                         | 0722        |
| 16. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                                                                    | 0730        |
| 17. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                      | 0810        |
| 18. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón                                                         | 0891        |
| 19. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                              | 0899        |
| 20. | Khai thác và thu gom than non                                                                        | 0520        |
| 21. | Khai thác khí đốt tự nhiên                                                                           | 0620        |
| 22. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                             | 2011        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp                                                                                    | 4690        |

|     |                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                                     | 4101 |
| 25. | Xây dựng nhà không để ở                                                               | 4102 |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                          | 4212 |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt                                                         | 4211 |
| 28. | Xây dựng công trình điện                                                              | 4221 |
| 29. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                   | 4222 |
| 30. | Xây dựng công trình thủy                                                              | 4291 |
| 31. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                 | 4293 |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                            | 4299 |
| 33. | Phá dỡ                                                                                | 4311 |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                     | 4312 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                 | 4321 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                 | 4322 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                        | 4329 |
| 38. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                        | 4330 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                        | 4933 |
| 40. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                               | 5012 |
| 41. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                           | 5210 |
| 42. | Bốc xếp hàng hóa                                                                      | 5224 |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                              | 5221 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                   | 5229 |
| 45. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                             | 5510 |
| 46. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                      | 5610 |
| 47. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng              | 5621 |
| 48. | Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán                                             | 6612 |
| 49. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 50. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                     | 6820 |
| 51. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển        | 7730 |
| 52. | Đại lý du lịch                                                                        | 7911 |
| 53. | Điều hành tua du lịch                                                                 | 7912 |
| 54. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu               | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 09/09/2019 đến ngày 09/10/2019

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông                                                   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HẢI LONG. | Số 108, Phố Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 3.660.000  | 36.600.000.000        | 36,600    | 0108704266                                                                                  |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Tổng số                   | 3.660.000  | 36.600.000.000        | 36,600    |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU SA PA                            | Số nhà 065, phố Xuân Viên, Thị trấn Sa Pa, Huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 4,000     | 5300678620                                                                                  |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 4,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                               |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                            |                           |           |                |        |              |
|---|---------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN TUẤN     | Thôn Xuân Hòa, Xã Đại Xuân, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 2.600.000 | 26.000.000.000 | 26,000 | 125755272    |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Tổng số                   | 2.600.000 | 26.000.000.000 | 26,000 |              |
| 4 | TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG | Tổ 3, Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 1.140.000 | 11.400.000.000 | 11,400 | 063382667    |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Tổng số                   | 1.140.000 | 11.400.000.000 | 11,400 |              |
| 5 | NGUYỄN MINH PHÚC    | Số 451/24 Hai Bà Trưng, Phường 08, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.200.000 | 22.000.000.000 | 22,000 | 079064006129 |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                     |                                                                            | Tổng số                   | 2.200.000 | 22.000.000.000 | 22,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 063382667

Ngày cấp: 23/03/2010      Nơi cấp: Công an tỉnh Lào Cai

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 3, Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 040 Triệu Quang Phục, tổ 3, Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước